

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay quy định chế độ nghỉ phép giữa nhiệm kỳ cho cán bộ, nhân viên công tác tại Lào và Căm-pu-chia như sau :

1. Những cán bộ, nhân viên các ngành có nhiệm kỳ công tác dài hạn (từ 3 năm trở lên) ở hai Đại sứ quán, và các cơ quan đại diện khác của ta tại Lào và Căm-pu-chia được về nước nghỉ phép một lần vào giữa nhiệm kỳ.

— Nếu trong nửa đầu của nhiệm kỳ công tác mà được triệu tập về nước dự hội nghị, báo cáo công tác, hoặc học tập thì được kết hợp nghỉ phép. Nếu vì yêu cầu công tác, không về nghỉ phép giữa nhiệm kỳ, thì khi hết nhiệm kỳ công tác sẽ được nghỉ bù.

— Cán bộ, nhân viên khi hết nhiệm kỳ công tác, nếu có quyết định gia hạn từ 2 năm trở lên, thì được về nước nghỉ phép trước khi sang nhiệm kỳ mới. Nếu được gia hạn dưới 2 năm thì không được về nước nghỉ phép nữa mà sẽ được bố trí nghỉ thêm khi hết hạn công tác.

2. Thời gian nghỉ phép mỗi lần ở trong nước là 20 ngày (không tính ngày chủ nhật và ngày nghỉ lễ). Trong thời gian nghỉ phép, nếu cơ quan triệu tập đi họp hoặc đi công tác đột xuất thì cán bộ, nhân viên sẽ được nghỉ bù.

3. Nếu cán bộ, nhân viên do bận công tác mà suốt nhiệm kỳ không thể về nước nghỉ phép được thì vợ hoặc chồng ở trong nước, nếu được cơ quan chủ quản (của người vợ hoặc chồng), Ban tổ chức trung ương hoặc Bộ Nội vụ nhất trí thì được thăm chồng hoặc vợ một lần tại Lào và Căm-pu-chia. Thời gian ở thăm không quá 1 tháng.

4. Khi về nước nghỉ phép, cán bộ, nhân viên được cơ quan đài thọ tiền vé ô-tô, tàu hỏa hoặc máy bay cả đi và về, tiền ăn theo chế độ công tác phí.

— Những ngày ở trong nước, cán bộ và nhân viên được lĩnh nguyên lương, kể cả các loại phụ cấp bằng tiền Việt Nam.

— Những cán bộ, nhân viên không về nước nghỉ phép, vợ hoặc chồng ở trong nước ra thăm thì cơ quan cung cấp tiền tàu, xe, vé máy bay cả đi và về, đại sứ quán hoặc các cơ quan có thẩm quyền của ta cho đổi một số tiền Riel (Căm-pu-chia) hoặc tiền kíp (Lào), theo mức lương tối thiểu đủ để ăn trong những ngày ở thăm.

Điều 2. — Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng Bộ trưởng, bộ trưởng các Bộ, chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, và thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Hà Nội, ngày 9 tháng 6 năm 1984

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó chủ tịch

TÓ HỮU

PHÂN CẤP QUẢN LÝ

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 86-HDBT ngày 11-6-1984 về việc giao ngành giao thông vận tải quản lý xăng dầu dề vận chuyên hàng hóa và hành khách phục vụ nhu cầu của trung ương và địa phương.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ nghị định số 158-HĐBT ngày 17-12-1983 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh của kế hoạch Nhà nước năm 1984;

Theo đề nghị của chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Đề bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ vận chuyển hàng hóa cho trung ương, tiếp chuyển hành khách (kinh tế mới) do phương tiện vận tải của địa phương thực hiện, đáp ứng đủ kịp thời các nhu cầu phân phối theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Bổ sung điều 5 của nghị định số 158-HĐBT ngày 17-12-1983 của Hội đồng Bộ trưởng và điều 1 của quyết định số 61-HĐBT ngày 16-4-1984 về việc quản lý kế hoạch xăng dầu cấp phát cho nhiệm vụ vận chuyển hàng hóa và hành khách cho trung ương:

a) Bộ Giao thông vận tải trực tiếp quản lý tất cả các chỉ tiêu xăng dầu của địa phương vận chuyển hàng hóa và hành khách cho trung ương.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương giao cho Sở Giao thông vận tải quản lý xăng dầu vận tải hàng hóa và hành khách phục vụ nhu cầu địa phương.

Điều 2. — Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Vật tư căn cứ vào quyết định này phân bổ, điều chỉnh lại chỉ tiêu xăng dầu vận tải phù hợp với quy định ở điều 1.

Điều 3. — Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm quản lý chặt chẽ theo định mức kinh tế kỹ thuật và thực hiện quyết toán vật tư theo chế độ hiện hành. Bộ Vật tư cấp phát theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước và theo yêu cầu cụ thể của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 4. — Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc phải sử dụng số xăng dầu này đúng mục tiêu quy định của nhiệm vụ vận chuyển, tuyệt đối không được sử dụng vào nhiệm vụ khác.

Điều 5. — Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1984 trong cả nước.

Điều 6. — Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Vật tư, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 1984

T. M. Hội đồng Bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TỔ HỮU